TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 198/2024/HSST
Ngày: 25 - 09 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;
2/ Ông Lê Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: ông Lê Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 197/2024/HSST ngày 09 tháng 09 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2024/QĐXXST-HS ngày 13/09/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1968, tại: Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: F G, phường T, quận T, TP .; chỗ ở hiện nay: như trên; nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bị A (chết) và bà Hồ Thị S (Chết); vợ: Trần Thị T1, sinh năm 1971, con: 01 người sinh năm 1995.

- *Tiền án, tiền sự:* không.

- Bị cáo hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1981; trú tại: 1 Đường số A, phường B, quận B, TP .. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người được ông Hồ Ngọc H giao nhà số F G, phường T, quận T để quản lý và sử dụng từ năm 2014. Đến năm 2016, chị Nguyễn Thị Phương L và chị Nguyễn Thị Vũ L1 thuê mặt bằng tầng trệt nhà của T để kinh doanh vào ban ngày, không ở lại qua đêm và tự quản lý tài sản. T không có trách nhiệm trông coi tài sản cho chị L và chị L1. Đến ngày 01/7/2024, do không có

tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị L và chị L1 để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, chị L và chị L1 đi về và để số tiền 43.414.000 đồng của chị L trong ngăn kéo của tủ gỗ sát chân cầu thang nhưng không khóa tủ. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T lợi dụng lúc ở nhà một mình nên đã đi xuống tầng trệt, lục tìm tài sản để trộm cắp và phát hiện số tiền 43.414.000 đồng của chị L trong ngăn kéo tủ, nên T lấy số tiền này mang lên phòng của T tại lầu 1. Sau đó, T lấy 1.000.000 đồng bỏ vào ví rồi cất ví vào trong tủ quần áo, số tiền còn lại bỏ vào bịch nilong màu đỏ rồi cất giấu vào thùng mì gói nằm ở phía bên phải từ cửa ra vào của phòng. Đến khoảng 07 giờ ngày 02/7/2024, chị L phát hiện số tiền đã bị mất nên hỏi T nhưng T không thừa nhận và chị L đã trình báo cơ quan Công an. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T mời T về trụ sở làm việc, T khai nhận và tự nguyện giao nộp số tiền đã trộm cắp.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

* *Vật chứng thu giữ*:

- Số tiền 43.414.000 đồng. Đây là số tiền Nguyễn Văn T đã lấy trộm của chị Nguyễn Thị Phương L, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L. (BL 66)

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Phương L đã nhận lại được tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường dân sự. (BL 58)

Tại bản cáo trạng số: 213/CT-VKSQ.TP ngày 09 tháng 09 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần trách nhiệm dân sự và vật chứng.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/7/2024, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 43.414.000 đồng của chị Nguyễn Thị Phương L, tại số F G, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị phát hiện.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Tình tiết tăng nặng*: không.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ*: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và trao trả cho người bị hại, nên hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: chị Nguyễn Thị Phương L đã nhận lại được tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với số tiền 43.414.000 đồng. Đây là số tiền Nguyễn Văn T đã lấy trộm của chị Nguyễn Thị Phương L, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L là phù hợp.

[8] *Án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] *Tuyên bố*: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[2] *Áp dụng*: khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] *Xử phạt*: bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

[4] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp: 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo Nguyễn Văn T, người bị hại chị Nguyễn Thị Phương L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP . Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Phú**;**
- THADS quận Tân Phú;
- Công an Q . Tân Phú;
- Công an TP . Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành